

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày: 12 – 3 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Kim Tiên

Bà Lê Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Mãi – Kiểm sát viên;

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Văn B; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam.

Ngày, tháng, năm sinh: 10/6/1995; nơi sinh: Tỉnh Bình Định.

Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Nơi ở hiện tại: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; chức vụ trước khi phạm tội: Không; trình độ học vấn: 3/12.

Họ và tên cha: Lưu Thanh H, sinh năm 1956 (sống).

Họ và tên mẹ: Trần Thị C (chết).

Anh, chị, em ruột: Có 05 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1994.

Vợ, con: Không.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo Lưu Văn B đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Bà Dương Hồng Trúc D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 2001.

Nơi ở hiện tại: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Nguyệt H1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

+ Bà Lưu Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 02 tháng 10 năm 2023, bị cáo Lưu Văn B đi bộ từ phòng trọ số 26 nhà trọ B1 thuộc ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An đến tiệm tạp hóa không bảng hiệu của bà Dương Hồng Trúc D, cách phòng trọ số 26 khoảng 50 mét. Tại đây, bị cáo B quan sát thấy không có người trông coi, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà D, bị cáo B lén lút đi đến tủ gỗ trong nhà bà D, mở học tủ chiếm đoạt 01 cái ví cầm tay màu đen bên trong có các tài sản gồm: 17 tờ vé số kiến thiết truyền thống, không rõ số, xổ số ngày 02/10/2023; số tiền 3.750.000 đồng; 25 thẻ nạp tiền điện thoại chưa qua sử dụng (05 thẻ mạng Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 05 thẻ mạng V mệnh giá 100.000 đồng, 10 thẻ mạng V mệnh giá 20.000 đồng, 05 thẻ mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng). Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo B dùng 05 thẻ nạp tiền mạng Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng nạp vào số điện thoại 0835334877 của bị cáo B, 20 thẻ nạp tiền còn lại khi giật quần, áo đã làm hư hỏng hoàn toàn; bị cáo B đưa cho bà Nguyễn Thị Kim C1 (sống chung như vợ, chồng với bị cáo B) số tiền 1.250.000 đồng để trả tiền nhà trọ, còn lại số tiền 2.500.000 đồng bị cáo B tiêu xài cá nhân hết. Riêng đối với 17 tờ vé số kiến thiết truyền thống, sau khi có kết quả xổ số bị cáo B mang ra dò tất cả đều không trúng, sau đó bị cáo B mang ví màu đen và 17 tờ vé số vứt ở sọt rác trước cửa nhà trọ. Đến ngày 09/10/2023, bị cáo Lưu Văn B đến Công an thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An đầu thú hành vi phạm tội.

Vật chứng tạm giữ: 01 cái nón kết màu đen không nhãn hiệu; 01 đôi dép quai ngang màu đen; 01 cái quần dài màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A96 màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu đen, bộ nhớ 128GB, gắn sim số 0835334877.

Tại Kết luận định giá tài sản số 124/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An, kết luận:

“01 ví cầm tay, không nhãn hiệu, màu đen trị giá 5.000 đồng;

17 tờ vé số loại xổ số kiến thiết truyền thống, xổ ngày 02/10/2023 trị giá 170.000 đồng;

05 thẻ card điện thoại mạng Vinaphone loại 50.000 đồng/thẻ, chưa qua sử dụng trị giá 240.000 đồng;

10 thẻ card điện thoại mạng Viettel loại 20.000 đồng/thẻ, chưa qua sử dụng trị giá 194.000 đồng;

05 thẻ card điện thoại mạng Viettel loại 50.000 đồng/thẻ, chưa qua sử dụng trị giá 240.000 đồng;

05 thẻ card điện thoại mạng Viettel loại 100.000 đồng/thẻ, chưa qua sử dụng trị giá 480.000 đồng;

Tổng trị giá tài sản là 1.329.000 đồng.”

Tại bản Cáo trạng số 09/CT – VKSDH ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lưu Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị hại là bà Dương Hồng Trúc D trình bày: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 02/10/2023, bà ở trong nhà mua bán tạp hóa, do không có khách nên bà đi ra nhà sau vệ sinh khoảng 10 phút. Khi bà kéo học tử ra để lấy bóp tiền đi rước con nhưng không thấy, sau đó bà trích xuất camera thì phát hiện có một thanh niên mặc áo đen, đội nón kết đen vào nhà kéo học tử của bà lấy cái bóp bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài. Bà nhìn tương thấy quen nên mới hỏi những người gần nhà thì được biết người thanh niên tên Lưu Văn B đang trọ tại nhà trọ Kim Xuyên nên bà đến trình báo Công an thị trấn H. Tài sản bà bị mất trộm gồm 01 ví cầm tay, không nhãn hiệu, màu đen trong bóp có 17 tờ vé số loại xổ số kiến thiết truyền thống, xổ ngày 02/10/2023; 05 thẻ card điện thoại mạng Vinaphone loại 50.000 đồng/thẻ, chưa qua sử dụng; 10 thẻ card điện thoại mạng Viettel loại 20.000 đồng/thẻ, chưa qua sử dụng; 05 thẻ card điện thoại mạng Viettel loại 50.000 đồng/thẻ, chưa qua sử dụng; 05 thẻ card điện thoại mạng Viettel loại 100.000 đồng/thẻ, chưa qua sử dụng. Do bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà nên bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự bà có đơn xin bãi nại và xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Kim C1 trình bày: Bà là vợ sắp cưới của bị cáo Lưu Văn B. Bị cáo B có đưa cho bà số tiền 1.250.000 đồng để bà trả tiền phòng trọ và nói là tiền do đi làm mà có. Bà đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý. Bà đã thay bị cáo B bồi thường cho bị hại D số tiền 3.829.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo trả lại.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Lưu Văn B gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Văn B từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, do đó đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy 01 cái nón kết màu đen không nhãn hiệu; 01 đôi dép quai ngang màu đen; 01 cái quần dài màu đen (do bị cáo không đồng ý nhận lại); sim số 0835334877.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A96 màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu đen, bộ nhớ 128GB.

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo Lưu Văn B nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo B theo biên lai thu số 0002678 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, do bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại số tiền 3.000.000 đồng cho bị cáo B.

(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 48-18/01/2024 ngày 18/01/2024).

Đối với bà Nguyễn Thị Kim C1 có hành vi nhận số tiền 1.250.000 đồng từ bị cáo Lưu Văn B, nhưng bà C1 không biết số tiền này do bị cáo B phạm tội mà có, nên hành vi của bà C1 không cấu thành các tội phạm có liên quan.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Văn B thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng là hối hận về hành vi phạm tội của mình chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về lo làm ăn, sửa đổi để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

[1.2.1]. Đối với bị hại là bà Dương Hồng Trúc D có đơn xin vắng mặt. Xét bị hại tuy vắng nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ, vụ án không có tình tiết mâu thuẫn so với lời nhận tội của bị cáo nên sự vắng mặt của bà C1 không ảnh hưởng gì đến phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử

vắng mặt và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[1.2.2]. Đối với bà Nguyễn Thị Nguyệt H1, bà Lưu Thị T là người làm chứng vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. *Hành vi phạm tội của bị cáo:*

[2.1]. Bị cáo Lưu Văn B có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Dương Hồng T1 Diệt 17 tờ vé số kiến thiết truyền thống, không rõ số; số tiền 3.750.000 đồng; 05 thẻ nạp tiền điện thoại mạng Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 05 thẻ nạp tiền điện thoại mạng V mệnh giá 100.000 đồng, 10 thẻ nạp tiền điện thoại mạng V mệnh giá 20.000 đồng, 05 thẻ nạp tiền điện thoại mạng V mệnh giá 50.000 đồng, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 5.079.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của kiểm sát viên. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Lưu Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi trái pháp luật của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[2.3]. Hành vi của bị cáo Lưu Văn B thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo B cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của bà D là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của bà D, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38 của Bộ luật Hình sự để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo B gây ra; Đồng thời, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

[3]. *Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng:*

[3.1]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo B thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đầu thú hành vi phạm tội; bị cáo đã tự nguyện

nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo B còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: Do bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xem xét.

[5]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cái nón kết màu đen không nhãn hiệu; 01 đôi dép quai ngang màu đen; 01 cái quần dài màu đen, sim số 0835334877, là hoàn toàn phù hợp.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A96 màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu đen, bộ nhớ 128GB, là hoàn toàn phù hợp.

(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 48-18/01/2024 ngày 18/01/2024).

[6]. Trả lại cho bị cáo Lưu Văn B số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002678 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, là hoàn toàn phù hợp.

[7]. Đối với bà Nguyễn Thị Kim C1 có hành vi nhận số tiền 1.250.000 đồng từ bị cáo Lưu Văn B, nhưng bà C1 không biết số tiền này do bị cáo B phạm tội mà có, nên hành vi của bà C1 không cấu thành các tội phạm có liên quan nên không xem xét.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo Lưu Văn B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt*: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Văn B 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/10/2023.

3. *Về tạm giam:* Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Lưu Văn B 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/3/2024) để bảo đảm thi hành án.

4. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A96 màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu đen, bộ nhớ 128GB

- Tịch thu tiêu hủy 01 cái nón kết màu đen không nhãn hiệu; 01 đôi dép quai ngang màu đen; 01 cái quần dài màu đen; sim số 0835334877.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Văn B số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002678 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 48-18/01/2024 ngày 18/01/2024).

5. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lưu Văn B nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

6. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Cơ quan thi hành hình sự huyện Đức Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hữu Quốc

